

MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG HỨNG THÚ VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

VŨ THỊ THU HIỀN*

Ngày nhận bài: 03/04/2016; ngày sửa chữa: 08/04/2016; ngày duyệt đăng: 12/04/2016.

Abstract: The article suggests two techniques that teachers can apply to motivate interest of writing narrative of primary school students, consisting of giving the interesting topics related to the real life to stimulate children's creativity and helping students create plots of stories by charts and tables. These are simple methods which can be used effectively in real teaching context.

Keywords: Write story essay, primary school students.

Trong chương trình Tiếng Việt, học sinh (HS) lớp 4, 5 bắt đầu học và luyện viết một bài văn kể chuyện (VKC) hoàn chỉnh. Theo *Chuẩn kiến thức và kỹ năng môn Tiếng Việt*, bài văn cần đạt được độ dài khoảng 150-200 chữ đối với HS lớp 4 và 200 chữ với HS lớp 5. Việc viết một bài văn nói chung hoặc một bài VKC nói riêng là một công việc nhiều HS thấy ngại và không hứng thú. Theo chúng tôi, có hai nguyên nhân chính dẫn đến thực tế này là: 1) Đề văn chưa thực sự hấp dẫn, kích thích sự sáng tạo của các em HS; 2) Việc chưa biết cách tự mình xây dựng cốt truyện cho bài văn khiến các em cảm thấy khó khăn khi viết VKC.

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày hai biện pháp làm tăng hứng thú viết VKC của HS và đã được tiến hành thử nghiệm tại Trường Tiểu học Thực hành thuộc Trường Đại học Hải Phòng, ở khối lớp 4,5.

1. Xây dựng đề VKC hấp dẫn, kích thích sự sáng tạo

Theo Giáo trình *Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, một trong ba nhân tố có liên quan đến tính tích cực trong học tập của HS chính là hứng thú. Như vậy có nghĩa là nếu tạo được hứng thú cho HS thì các em sẽ say mê viết văn và có sự sáng tạo trong các bài tập. Về bản chất, viết bài VKC cũng là sáng tác nghệ thuật. Hứng thú với một đối tượng nào đó mới có thể kể về nó hay được. Ngược lại, với một đối tượng không hấp dẫn, người viết sẽ bị bế tắc, thậm chí khó viết được câu chuyện về nó. Điều này cho thấy đưa ra một đề VKC hấp dẫn chính là một giải pháp tăng hứng thú viết văn cho HS của mình.

Đề VKC thường cho sẵn nội dung cốt lõi, ví dụ: *Trên đường đi học về, em gặp một phụ nữ vừa bế con vừa mang nhiều đồ đạc. Em đã giúp cô ấy*

xách đồ đi một quãng đường. Hãy kể lại câu chuyện đó (Tiếng Việt 4, tập 1). Trên cơ sở nội dung cốt lõi được nêu trong đề bài, HS sẽ tự triển khai cốt truyện, tạo hình nhân vật, lời kể chuyện, lời đối thoại... Vai trò của nội dung cốt lõi mà đề bài nêu ra có tính chất định hướng cho toàn bộ bài văn của HS. Đề VKC đã nêu ở trên đưa ra nội dung cốt lõi là một sự việc diễn ra trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều giáo viên (GV) cho rằng, dạng đề này sẽ phù hợp với trình độ và kinh nghiệm sống của HS. Tuy nhiên, các em cũng sẽ phải đối mặt với những khó khăn khi làm bài. Khó khăn đầu tiên là HS có thể phần nào bị hạn chế hứng thú sáng tạo, vì sự tưởng tượng của các em không thể đi quá giới hạn của hiện thực, nếu không thì câu chuyện sẽ trở thành phi lí. Thậm chí một số HS còn nêu thắc mắc với GV: "Em chẳng giúp người phụ nữ nào xách đồ cả, em không biết kể thế nào". Trong trường hợp này, HS cho rằng khi kể lại một câu chuyện xảy ra trong cuộc sống có nghĩa là nó đã thực sự diễn ra. Khó khăn thứ hai là HS có khả năng sa đà thành ghi chép những sự kiện rời rạc, thiếu kịch tính. Ví dụ nếu phải xây dựng một câu chuyện với nội dung cốt lõi như đề văn đã cho thì HS thường hình dung ra các sự kiện của câu chuyện như sau:

Nhìn thấy người phụ nữ bế con, mang nhiều đồ → lại gần chào hỏi, đề nghị giúp đỡ → xách giúp đồ một đoạn đường và trò chuyện cùng nhau → cảm ơn và tạm biệt.

Để tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa các sự kiện trên không phải HS nào cũng có thể làm được, dù các em có thể sắp xếp chúng theo trình tự thời gian. Bài VKC có thể trở thành một bản liệt kê các sự kiện theo trật tự

* Trường Đại học Hải Phòng

thời gian chứ không phải một câu chuyện đúng nghĩa của nó, đây là một lỗi khá phổ biến của HS.

Chúng tôi đã đưa ra cho HS lớp 4 một đề VKC như sau:

“Trong cuộc thi chạy lần đầu tiên, Thỏ đã thua Rùa. Em hãy tưởng tượng ra cuộc thi chạy lần thứ hai giữa Rùa và Thỏ và kể lại toàn bộ diễn biến của cuộc tranh tài đó”.

Đề văn chỉ đưa ra nội dung cốt lõi là cuộc thi chạy giữa Rùa và Thỏ lần thứ hai. Nội dung cốt lõi này không đưa thêm các sự kiện cụ thể, tạo điều kiện cho HS phát huy được trí tưởng tượng. Điều đó có nghĩa là sẽ có nhiều tình huống, nhiều khả năng có thể xảy ra tùy theo trí tưởng tượng của HS (mà ngay cả người ra đề cũng không thể hình dung ra hết được). Đề văn này sẽ không tạo ra cảm giác gò bó mà tạo hứng thú sáng tạo cho HS.

Đề văn có thể cung cấp một phần câu chuyện và HS sẽ hoàn thành nốt phần còn lại, như đề văn sau:

“Em hãy viết tiếp phần sau để thành một câu chuyện hoàn chỉnh:

Hạt đỗ sót

Người ta đã đem gieo tất cả các hạt đỗ đen trên luống đất sau nhà. Riêng một hạt đỗ mắc mấy mạng nhện không ra được, nằm sót ở đáy hũ, nên gọi tên là Đỗ Sót.

Khi bị sót lại, Đỗ Sót cũng đã kêu lên, nhưng người ta không hiểu tiếng của đỗ nên không biết trong hũ còn một hạt đỗ sót lại. Đỗ Sót rất buồn. Sống ở trong đáy hũ vừa tối vừa vắng vẻ. Một lần, có bạn ong bay qua miệng hũ, Đỗ Sót gọi ong lại và hỏi thăm:

- Chị ong ơi, các bạn đỗ của tôi bây giờ ở đâu?

- Cô Đỗ Sót đấy à? - Ong nói - Các bạn cô bây giờ đang nằm dưới lớp đất ẩm áp và đợi ngày lên mầm. Tôi đi qua vẫn nghe thấy tiếng các cô ấy rì rào nhắc đến cô. Các cô ấy thương cô lắm, nhưng chưa biết làm thế nào để mang cô ra chỗ các cô ấy được.

Nghe nói các bạn vẫn nhớ đến mình, Đỗ Sót ở lại một mình, buồn quá, khóc lên nức nở” (trích truyện **Hạt đỗ sót** - Xuân Quỳnh)

Phần nội dung cốt lõi của đề đã cung cấp cho HS những dữ liệu sau để kể chuyện: - Nhân vật chính: cô Đỗ Sót; - Nhân vật khác: chị ong; - Hoàn cảnh: bị bỏ lại một mình trong một cái lọ tối tăm, trong khi các bạn khác đã được đem gieo trong vườn; - Tâm trạng: rất buồn, muốn thoát ra khỏi hũ để đến với các bạn trong vườn; - Sự kiện xảy ra: gặp chị ong bay qua. Đây là những dữ liệu cần thiết để từ đó HS có thể xây dựng phần tiếp theo của câu chuyện. Đề văn này yêu cầu HS sẽ phải sáng tạo các sự kiện tiếp theo, có thể thêm

sự xuất hiện của các nhân vật mới nếu cần thiết... Phần mà HS sẽ viết lại phải nối tiếp vào phần đã cho từ trước một cách hợp lý theo logic diễn biến của câu chuyện và hoàn toàn không phải phụ thuộc vào phần cuối mà tác giả Xuân Quỳnh đã viết.

2. Giúp HS xây dựng cốt truyện

Việc xây dựng cốt truyện cho bài VKC cũng giống như việc tạo ra “xương sống” cho câu chuyện. Một số đề văn đã cho sẵn cốt truyện, chỉ yêu cầu thay vai người kể chuyện nên HS chỉ cần thay đổi về ngôn ngữ diễn đạt, ví dụ đề văn “Kể lại câu chuyện *Nỗi dẫn vật của An-đây-ca* bằng lời của cậu bé An-đây-ca” (**Tiếng Việt 4**, tập 1). Hầu hết HS có thể hoàn thành yêu cầu của loại đề này. Đối với loại đề VKC sáng tạo thì hoàn toàn khác, bởi HS phải xây dựng cốt truyện riêng của mình, ví dụ đề văn “Hãy kể lại một kỉ niệm khó quên về tình bạn” (**Tiếng Việt 5**, tập 2). Đối với nhiều HS, xây dựng cốt truyện là một công việc khó khăn, đòi hỏi sự hướng dẫn của GV. Trong quá trình hướng dẫn HS, GV cần phải ghi nhớ một nguyên tắc, đó là giúp HS xây dựng cốt truyện của các em chứ không gợi ý bằng cốt truyện của chính mình.

Cốt truyện là một sự xâu chuỗi hàng loạt các sự kiện xảy ra giống như một chuỗi móc xích. Vì vậy, GV có thể đưa ra các câu hỏi dẫn dắt để HS xây dựng cốt truyện của mình. Ví dụ với đề bài sau:

“Mèo Trắng và Cún Vàng sống cùng nhau dưới một mái nhà. Mèo Trắng vốn không thích Cún Vàng, nhưng từ sau khi Cún Vàng cứu Mèo Trắng thoát khỏi bọn trộm mèo, cả hai đã sống hòa thuận bên nhau.

Em hãy kể lại câu chuyện xảy ra với hai người bạn này”. Các câu hỏi dẫn dắt mà GV có thể đưa ra để gợi ý cho HS xây dựng cốt truyện:

- Mở đầu, các nhân vật trong câu chuyện của em sống như thế nào?

(HS phải xác định tình trạng ban đầu của nhân vật: Mèo và Cún sống cùng nhà, nhưng Mèo không thích Cún vì...).

- Sự kiện đầu tiên xảy ra trong câu chuyện của em là gì? (HS lựa chọn sự kiện đầu tiên xảy ra với nhân vật, theo sự tưởng tượng của các em).

- Sự kiện đó có ảnh hưởng gì đến nhân vật? (HS phải suy nghĩ đến tác động của sự kiện đến nhân vật về hành động, trạng thái tâm lí, tình cảm... ví dụ nhân vật đang kiêu căng trở nên sợ hãi, đang bướng bỉnh trở nên ngoan ngoãn, hoặc đang ngồi ngoài sân thấy bọn trộm liền chạy lao theo...).

- Sự kiện đầu tiên làm nảy sinh sự kiện thứ hai như thế nào? (HS phải suy nghĩ đến sự kiện tiếp theo như là kết quả của sự kiện thứ nhất, như vậy mới tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa các sự kiện, tạo sức hấp dẫn của

câu chuyện. Ví dụ, nếu sự kiện đầu tiên là Cún Vàng rú Mèo Trắng chơi trốn tìm với mình trong nhà, nhưng Mèo kiêu căng, lại không ưa Cún nên từ chối. Sự kiện tiếp theo là Mèo Trắng tha thẩn chơi một mình ngoài cổng. Hai sự kiện như vậy có một sự gắn kết với nhau).

Để xây dựng cốt truyện chi tiết hơn, GV có thể hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào các cột:

STT	Thời gian	Địa điểm	Nhân vật	Diễn biến sự kiện
Sự kiện 1	Một hôm	Ở trong nhà	Mèo Trắng, Cún Vàng	Cún Vàng rú Mèo Trắng cùng chơi với mình. Mèo kiêu căng từ chối...
Sự kiện 2 ...	Cùng ngày hôm đó	Ngoài sân và ngoài cổng nhà	Mèo	Mèo vờn chơi một quả bóng bàn hỏng ngoài cổng.

Điều cần đặc biệt nhấn mạnh với HS khi hướng dẫn các em xây dựng cốt truyện, đó là phải xâu chuỗi các sự kiện với nhau. Một sự kiện nào đó xảy ra sẽ dẫn

tới những thay đổi, những ảnh hưởng, làm nảy sinh những sự kiện tiếp theo. Nếu như không biết xâu chuỗi các sự kiện, cốt truyện sẽ bao gồm một loạt các sự kiện rời rạc, ít liên quan với nhau và câu chuyện sẽ mất đi sự hấp dẫn, kịch tính của nó. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT. Dự án Phát triển giáo viên tiểu học (2006). *Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Trọng Báu - Nguyễn Quang Ninh - Trần Ngọc Thêm (1985). *Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn*. NXB Giáo dục.
- [3] Phan Phương Dung (2007). *Hướng dẫn dạy học Tập làm văn 5 phù hợp với trình độ tiểu học*. NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [4] Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tĩnh (2007). *Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4*. NXB Giáo dục.
- [5] Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tĩnh (2007). *Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 5*. NXB Giáo dục.

Sử dụng thang đo hành vi...

(Tiếp theo trang 24)

hoạt hàng ngày, vì vậy khả năng thích ứng trong lĩnh vực tự lập của một số HS cũng đạt ở mức độ trung bình. Tuy nhiên, số lượng đạt ở mức độ thích ứng trung bình của HS KTTT mức độ nặng chiếm tỉ lệ ít hơn những HS KTTT mức độ trung bình và nhẹ (HS KTTT nặng có mức độ thích ứng trung bình chiếm 50%, HS KTTT trung bình và nhẹ có mức độ thích ứng trung bình chiếm 80%). Ngược lại, số lượng HS có mức độ thích ứng dưới trung bình của HS KTTT mức độ nặng chiếm tỉ lệ nhiều hơn so với những HS KTTT mức độ trung bình và nhẹ (HS KTTT nặng có mức độ thích ứng dưới trung bình chiếm tỉ lệ 50%, HS KTTT nhẹ và trung bình có mức độ thích ứng dưới trung bình chiếm 20%).

Như vậy, khả năng thích ứng trong lĩnh vực hoạt động tự lập của HS KTTT với mức độ KTTT nặng là thấp hơn so với những của HS KTTT với mức độ nhẹ và trung bình, cụ thể, tỉ lệ mức độ thích ứng trung bình của những HS KTTT có mức độ KTTT nặng thấp hơn so với những HS KTTT có mức độ nhẹ và trung bình.

Qua nghiên cứu thực nghiệm về mức độ thích ứng với hoạt động tự lập của HS KTTT tại Trung tâm Phục hồi chức năng và Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:
- Mức độ KTTT trải đều ở 3 mức nhẹ, trung bình và

nặng. Mức độ KTTT của HS không đồng đều giữa các lứa tuổi, giữa các HS của 2 khối lớp 2 và 3.; - Có 14 HS KTTT khối tiểu học chúng tôi nghiên cứu bằng thang đo hành vi thích ứng ABSS-S:2 thì khả năng thích ứng với hoạt động tự lập ở các mức độ thích ứng không đồng đều (phân bố từ mức độ trung bình đến mức độ thích ứng kém). Hầu hết HS KTTT đều gặp một số khó khăn nhất định trong hoạt động tự lập của bản thân; - Có mối tương quan chặt chẽ giữ mức độ KTTT và khả năng thích ứng trong lĩnh vực tự lập của HS KTTT. Thích ứng với hoạt động tự lập cao nhất là những HS KTTT mức độ nhẹ và trung bình, sau đó là những HS KTTT mức độ nặng. Điều này cho thấy có sự tương quan tỉ lệ thuận giữa mức độ KTTT và mức độ thích ứng với hoạt động tự lập của HS KTTT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Andreeva.D.A (1972). *Những vấn đề thích ứng của sinh viên trong “Thanh niên và giáo dục”*. NXB Thanh niên Cận vệ. Matxcova.
- [2] Trần Thị Lệ Thu (2005). *Nghiên cứu hành vi thích ứng của trẻ chậm phát triển trí tuệ trong các lớp giáo dục đặc biệt ở Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Viện tâm lí học.
- [3] Sara S. Sparrow, PhD, Domenic V. Cicchetti, PhD, David A. Balla(2005). *Vineland Adaptive Behavior Scales, Second Edition*. Giuntios organization special education Express.
- [4] Nils A. Pearson, James R. Patton, Daniel W. Mruzek (2015). *ABDS: Adaptive Behavior Diagnostic Scale*. Bristis Library Publishing.
- [5] Patti Harrison, PhD, Thomas Oakland, PhD (2015). *Adaptive Behavior Assessment System, Third Edition (ABAS-3)*. Happer Collins Publisher, New York.